

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội

và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (02) vqr. 43





KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, trong đó đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công:

a) Tập trung triển khai thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng khung (hạ tầng giao thông, thông tin truyền thông, hạ tầng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo ...) để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế khác đầu tư vào các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đảm bảo ổn định sản xuất, an toàn nguồn nước, an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo bền vững của địa phương; dự án cần thiết đầu tư để đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh và các quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia khác có liên quan đến tỉnh Bình Định nhằm bảo đảm phát huy hiệu quả, sức lan tỏa và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

b) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thực hiện: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các vùng động lực, trục hành lang động lực của tỉnh.

b) Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: Hệ thống cảng biển, hạ tầng logistics; hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao; hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, trí tuệ nhân tạo; các khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao; các dự án phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; phát triển điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối và nguồn năng lượng mới, các dự án cấp nước sạch; cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học và đổi mới sáng tạo, thể thao, môi trường, thương mại, dịch vụ, du lịch...

c) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thực hiện: Theo Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bình Định 05 năm 2021 - 2025:

Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm

...2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030:

- Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

- Dành quỹ đất hợp lý ưu tiên phát triển thương mại dịch vụ, du lịch; phát triển và mở rộng khu, cụm công nghiệp tập trung; các khu dân cư. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng gắn với quá trình hình thành khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ và mở rộng khu dân cư đô thị, nông thôn.

- Dành đủ quỹ đất cho các mục đích văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, công trình năng lượng, bưu chính viễn thông, nghiên cứu khoa học,... nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

- Bảo vệ và phát triển diện tích rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn; bảo đảm duy trì tỷ lệ che phủ rừng ở mức 58%.

- Khai thác sử dụng đất phải coi trọng công tác quốc phòng, an ninh; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất ổn định và bền vững, phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và vùng.

4. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP là 8,5% bình quân hằng năm trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tỉnh Bình Định dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 800 - 850 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021-2030	
	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹	21,3% (tương đương 70 nghìn tỷ)	21% (tương đương 110 nghìn tỷ)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	76,2% (tương đương 250 nghìn tỷ)	76,6% (tương đương 400 nghìn tỷ)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	2,5% (tương đương 8 nghìn tỷ)	2,3% (tương đương 12 nghìn tỷ)

¹ Gồm ngân sách nhà nước từ trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Bình Định đã được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành kinh tế, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách đầu tư - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

c) Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, ưu tiên các dự án công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo nguồn thu cho ngân sách. Xây dựng cơ chế chính sách đột phá phù hợp với quy định của pháp luật để thu hút các nhà đầu tư chiến lược làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư cởi mở, thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp như: cấp điện, nước, đường giao thông; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ đề ra.

c) Tăng cường và tổ chức hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền; thường xuyên theo dõi, rà soát, đánh giá các hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư, có cơ chế thu thập phản hồi, kiến nghị của nhà đầu tư, và kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; hoàn thiện thủ tục hành chính trong việc đăng ký và triển khai các dự án đầu tư. Rà soát, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ công việc và cải cách thủ tục hành chính

đ) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư; rà soát, thu hồi

giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tự học tập nâng cao trình độ, xây dựng và có cơ chế để huy động các nguồn lực từ bên ngoài, các nguồn tài trợ để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị và các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

b) Nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, đảm bảo đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn.

c) Củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển.

d) Khuyến khích khu vực ngoài công lập đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hình thành mạng lưới cơ sở đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao

4. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

d) Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

c) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

d) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng. Đảm bảo đủ nguồn lực cho công tác quản lý đất đai, thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ về đất đai cho cán bộ công tác liên quan đến lĩnh vực đất đai.

đ) Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

e) Trên cơ sở quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh phù hợp với mục tiêu quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước, định kỳ tổ chức rà soát quy hoạch để điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

6. Về tăng trưởng xanh và bền vững

a) Thực hiện các chương trình tuyên truyền, nâng cao nhận thức của Nhân dân về các mục tiêu phát triển bền vững, kêu gọi sự tham gia, hợp tác của toàn xã hội.

b) Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; các dự án năng lượng tái tạo như phát triển điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối và nguồn năng lượng mới (hydrogen/amoniac xanh ...).

c) Thường xuyên rà soát các dự án đã được quy hoạch và triển khai nhằm đảm bảo bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và các di sản.

d) Tăng cường hợp tác quốc tế để chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm của cộng đồng quốc tế.

7. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với nghiên cứu, đào tạo trên cơ sở chia sẻ lợi ích để nâng cao tính thực tiễn, lấy doanh nghiệp làm trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ. Xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đặc biệt là từ các doanh nghiệp quốc tế.

c) Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phấn đấu đạt 2% tổng chi ngân sách địa phương cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

b) Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Huy động từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi nước ngoài, nguồn vốn viện trợ để thực hiện đề án, dự án của địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm, tăng cường liên kết Vùng...

c) Sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn Nhà nước quản lý hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết Vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

d) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:

a) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024.

b) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quán triệt và giao nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định tới từng sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
TRONG QUY HOẠCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG				
I	GIAO THÔNG				
1	Cảng hàng không Phù Cát	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	x		Ngân sách nhà nước	
3	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	x	x	Ngân sách nhà nước	
4	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	x		Ngân sách nhà nước	
5	Xây dựng Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn ¹	x		Ngân sách nhà nước	
6	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	x		Ngân sách nhà nước	
7	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	x		Ngân sách nhà nước	

¹ Dự án đã được điều chỉnh tên từ “Xây dựng Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định” thành “Xây dựng Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn”

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
8	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
9	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	x		Ngân sách nhà nước	
10	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát.	x	x	Ngân sách nhà nước	
11	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	x		Ngân sách nhà nước	
12	Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu	x		Ngân sách nhà nước	
13	Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
14	Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn	x		Ngân sách nhà nước	
15	Cầu Hữu Giang (kết nối QL19 đi đường ĐH.26), xã Tây Giang, huyện Tây Sơn	x		Ngân sách nhà nước	
16	Đường nối từ QL24 đến Đông Trường Sơn		x	Ngân sách nhà nước	
17	Nâng cấp, mở rộng đường Tây tỉnh ĐT.638		x	Ngân sách nhà nước	
18	Đường Điện Biên Phủ nối dài từ cây xăng dầu số 4 đến Khu đô thị Long Vân (qua Núi Vũng Chua)		x	Ngân sách nhà nước	
19	Tuyến đường kết nối ĐT.636 qua Cầu Thị Nại 4 và QL.19B		x	Ngân sách nhà nước	
20	Tuyến đường từ TT.Tuy Phước đến ĐT.633		x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
21	Cầu Thị Nại 2		x	Ngân sách nhà nước	
22	Tuyến đường nối từ Lê Thanh Nghị về cảng Quy Nhơn		x	Ngân sách nhà nước	
23	Tuyến đường kết nối đường chuyên dụng phía Tây KKT Nhơn Hội với tuyến đường ven biển Cát Tiến – Diêm Vân		x	Ngân sách nhà nước	
24	Tuyến đường kết nối QL1 với đường ĐT.639 qua huyện Phù Cát		x	Ngân sách nhà nước	
25	Đường phía Tây huyện Vân Canh (từ KCN, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Vân Canh)		x	Ngân sách nhà nước	
26	Đường ven biển đoạn cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi		x	Ngân sách nhà nước	
27	Tuyến đường kết nối từ nút giao ngã 5 Long Vân đến tuyến đường ĐT640		x	Ngân sách nhà nước	
28	Tuyến đường từ thị trấn Vân Canh đi xã Phú Mỹ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên		x	Ngân sách nhà nước	
29	Mở rộng tuyến Quốc lộ 19C đoạn Km26 + 600 – Km28+815 qua thị trấn Vân Canh		x	Ngân sách nhà nước	
30	Nút giao thông khác mức tại khu vực Đồng Đa - Hoa Lư		x	Ngân sách nhà nước	
31	Sửa chữa, gia cường và thay thế các cầu yếu nhằm đảm bảo đồng bộ hóa tải trọng trên các tuyến đường tỉnh		x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
32	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636, đoạn qua xã Phước Quang, huyện Tuy Phước		x	Ngân sách nhà nước	
33	Xây dựng các trục kết nối với Đường bộ cao tốc nhằm đảm bảo tính kết nối đồng bộ, phát huy hiệu quả khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương		x	Ngân sách nhà nước	
34	Tuyến tránh ĐT.629 đoạn qua An Hòa đến thị trấn An Lão		x	Ngân sách nhà nước	
35	Xây dựng cầu kết nối đến tháp Bánh Ít		x	Ngân sách nhà nước	
36	Tuyến đường dẫn ra cảng tổng hợp Khu kinh tế Nhơn Hội		x	Ngân sách nhà nước	
37	Nâng cấp để đảm bảo giao thông, thông suốt không bị ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ trên tuyến đường ĐT.629		x	Ngân sách nhà nước	
II	DỰ ÁN KẾT NỐI HẠ TẦNG KHU VỰC ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN				
1	Đường Hoài Ân - Vĩnh Thạnh - Gia Lai (từ ĐT 630 tại Ân Tường Tây kết nối vào ĐT.637 tại Vĩnh Thạnh và kết nối về ĐT.669 tại Kbang)		x	Ngân sách nhà nước	
2	Đường Vĩnh Thạnh - Phù Cát (từ TT Vĩnh Thạnh kết nối vào ĐT.634 ở xã Cát Sơn - Phù Cát và đi về QL.1)		x	Ngân sách nhà nước	
3	Tuyến đường Hoài Nhơn - An Lão		x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
III	HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
1	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	x		Ngân sách nhà nước	
2	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	x		Ngân sách nhà nước	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài	x		Ngân sách nhà nước	
4	Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2 phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
5	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	x		Ngân sách nhà nước	
6	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	x		Ngân sách nhà nước	
7	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tỉnh Bình Định.	x	x	Ngân sách nhà nước	
8	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	x		Ngân sách nhà nước	
9	Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
10	Cấp nước sinh hoạt Tây Bắc huyện Phù Cát và Tây Nam huyện Phù Mỹ	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
11	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
12	Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
13	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
14	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước An và Phước Thành, huyện Tuy Phước	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
15	Hạ tầng kỹ thuật phân khu Đề Gi - Mỹ Thành		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
16	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Long Vân	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
17	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
18	Nhà máy nước Nhơn Hội	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
19	Nhà máy nước Quy Nhơn	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
20	Nhà máy nước Cát Tiến		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
21	Nhà máy nước Cát Khánh		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
22	Nhà máy nước Hồ Núi Một		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
23	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV, 110kV, 22kV; các đường dây hạ thế	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	Phù hợp phương án xây dựng mới và cải tạo lưới điện (Phụ lục VIII QĐ 1619/QĐ-TTg)
IV	HẠ TẦNG THỦY LỢI, CẤP THOÁT NƯỚC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				
1	Dự án phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	x	x	Ngân sách nhà nước	
3	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	x		Ngân sách nhà nước	
4	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
5	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
6	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	x		Ngân sách nhà nước	
7	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	x		Ngân sách nhà nước	
8	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La Tinh	x		Ngân sách nhà nước	
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
10	Kiên cố hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá		x	Ngân sách nhà nước	
11	Giảm thiểu bồi lấp cửa Tam Quan và hạn chế xói lở, khôi phục lại bãi biển Tam Quan		x	Ngân sách nhà nước	
12	Chuyên nước từ hồ Định Bình đi hồ Hội Sơn		x	Ngân sách nhà nước	
13	Hồ Suối Lớn		x	Ngân sách nhà nước	
14	Trục tiêu thoát lũ TX5		x	Ngân sách nhà nước	
15	Nâng cấp hồ Núi Một		x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
16	Sửa chữa tràn thoát lũ, ngăn mặn Dương Thiện		x	Ngân sách nhà nước	
17	Nâng cấp cảng cá Đề Gi		x	Ngân sách nhà nước	
18	Kiên cố kênh tiêu ba huyện Phù Cát, Tuy Phước, An Nhơn		x	Ngân sách nhà nước	
19	Trục tiêu, thoát lũ sông Bến Trề		x	Ngân sách nhà nước	
20	Đê kè sông Kôn		x	Ngân sách nhà nước	
21	Kênh tiêu Sông Cái		x	Ngân sách nhà nước	
22	Đập dâng Hà Thanh 2		x	Ngân sách nhà nước	
23	Nâng cấp hồ chứa nước Định Bình		x	Ngân sách nhà nước	Phù hợp phụ lục XI QĐ 1619/QĐ-TTg
V	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				
1	Cơ sở Huấn luyện Dự bị động viên tỉnh Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
2	Nhà làm việc khối an ninh, xây dựng lực lượng và Hội trường thuộc Công an tỉnh Bình Định.	x		Ngân sách nhà nước	
3	Trụ sở làm việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	x		Ngân sách nhà nước	
4	Hải đội dân quân thường trực	x		Ngân sách nhà nước	
VI	HẠ TẦNG Y TẾ				
1	Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
2	Nâng cấp mở rộng bệnh viện Đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên)	x	x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
3	Xây dựng mới khu nhà điều trị - nhà hành chính của Trung tâm y tế TP Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
4	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	x		Ngân sách nhà nước	
5	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
6	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	x	x	Ngân sách nhà nước	
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn		x	Ngân sách nhà nước	
8	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		x	Ngân sách nhà nước	
9	Bệnh viện Mắt Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	
10	Bệnh viện chuyên khoa (Lão/ Ung Bướu/ Tim mạch,...)		x	Ngân sách nhà nước	
11	Bệnh viện Y học Cổ truyền và Phục hồi chức năng	x	x	Ngân sách nhà nước	
12	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm và Thực phẩm		x	Ngân sách nhà nước	
13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		x	Ngân sách nhà nước	
14	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn		x	Ngân sách nhà nước	
15	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		x	Ngân sách nhà nước	
16	Trung tâm Y tế huyện An Lão		x	Ngân sách nhà nước	
17	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh		x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
VII	HẠ TẦNG GIÁO DỤC				
1	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
2	Đầu tư, xây dựng các Trường THPT được di chuyển, sắp xếp lại theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 (HM: Trường THPT Nguyễn Hữu Quang, Trường THPT Phan Bội Châu)	x		Ngân sách nhà nước	
3	Xây dựng mới Trường THPT Bùi Thị Xuân	x		Ngân sách nhà nước	
4	Trường THPT chuyên chất lượng cao		x	Ngân sách nhà nước	
5	Trường THPT khu vực Diêm Vân		x	Ngân sách nhà nước	
VIII	HẠ TẦNG VĂN HÓA THỂ THAO				
1	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Đàn nam Giao, Tháp Phú Lộc, tháp Bánh Ít, Khu di tích Thành Hoàng Đế, Di tích khu đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt (Bảo tàng Quang Trung),...	x	x	Ngân sách nhà nước	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long	x	x	Ngân sách nhà nước	
3	Nâng cấp và đầu tư cơ sở vật chất cho các công trình văn hóa cấp tỉnh gồm Trung tâm Văn hoá tỉnh Bình Định, Thư viện tỉnh, Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh, Cột cờ Thành Bình Định...	x	x	Ngân sách nhà nước	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng, cảnh quan Khu di tích lịch sử Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt		x	Ngân sách nhà nước	
5	Đầu tư xây dựng các hạng mục thiết chế văn hóa cấp vùng trên địa bàn tỉnh		x	Ngân sách nhà nước	
6	Bảo tàng tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	
7	Xây dựng Đền thờ Hoàng đế Thái đức Nguyễn Nhạc		x	Ngân sách nhà nước	
8	Khu di tích Thành Hoàng Đế		x	Ngân sách nhà nước	
9	Xây mới Khu Liên hợp thể thao tỉnh		x	Ngân sách nhà nước	
10	Xây dựng mới sân vận động của thành phố Quy Nhơn		x	Ngân sách nhà nước	
11	Xây mới Trung tâm võ thuật cổ truyền Bình Định		x	Ngân sách nhà nước	
IX	HẠ TẦNG AN SINH XÃ HỘI				
1	Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2 ²	x		Ngân sách nhà nước	
2	Nâng cấp, mở rộng cơ sở Cai nghiện ma túy	x	x	Ngân sách nhà nước	
3	Nâng cấp mở rộng Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội Bình Định cơ sở 2		x	Ngân sách nhà nước	
X	HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI				
1	Chợ nông sản khu vực phía Bắc tại thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	
2	Chợ nông sản khu vực phía Nam tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	

² Dự án được điều chỉnh tên từ “Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn (cơ sở 2)” thành “Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2”.

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
3	Trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	
XI	HẠ TẦNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
1	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Khoa học Công nghệ vũ trụ theo chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ		x	Ngân sách nhà nước	
2	Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học		x	Ngân sách nhà nước	
3	Dự án trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên		x	Ngân sách nhà nước	
XII	MÔI TRƯỜNG				
1	Hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định		x	Ngân sách nhà nước	
2	Hệ thống thoát nước thị trấn Phù Mỹ		x	Ngân sách nhà nước	
3	Đầu tư nâng cấp các Nhà máy XLNT cho các Khu đô thị, KCN thuộc KKT Nhơn Hội		x	Ngân sách nhà nước	
4	Hệ thống thoát nước phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn		x	Ngân sách nhà nước	
5	Xây dựng mới 02 ô chôn lấp tại Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ	x	x	Ngân sách nhà nước	Phù hợp Phụ lục XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
6	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn	x	x	Ngân sách nhà nước	Phù hợp Phụ lục

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
					XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
7	Xây dựng ô chôn lấp B tại Khu xử lý chất thải rắn thị xã Hoài Nhơn	x	x	Ngân sách nhà nước	Phù hợp Phụ lục XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
8	Bãi xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vĩnh Thạnh	x	x	Ngân sách nhà nước	Phù hợp Phụ lục XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
9	Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt phía Tây tỉnh (phục vụ cho việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt của huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và một số khu vực lân cận)		x	Ngân sách nhà nước	Phù hợp Phụ lục XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
B	DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ				
I	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP				
1	Khu công nghiệp Long Mỹ giai đoạn 2	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
2	Khu công nghiệp Hoài Mỹ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
3	Khu công nghiệp Phù Mỹ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
4	Khu công nghiệp Cát Trinh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	Phù hợp phụ lục III QĐ 1619/QĐ-TTg
5	Khu công nghiệp Bình Nghi	x	x	Vốn ngoài ngân sách	Phù hợp phụ lục III QĐ 1619/QĐ-TTg
6	Khu công nghiệp phía Nam Quốc lộ 19	x	x	Vốn ngoài ngân sách	Phù hợp phụ lục

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
					III QĐ 1619/QĐ-TTg
7	Khu công nghiệp Tây Giang	x	x	Vốn ngoài ngân sách	Phù hợp phụ lục III QĐ 1619/QĐ-TTg
8	Khu công nghiệp Vân Canh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	Phù hợp phụ lục III QĐ 1619/QĐ-TTg
9	Các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	Chi tiết phụ lục II
10	Nhà máy sản xuất động cơ điện chuyên dùng	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
11	Nhà máy sản xuất dây và cáp điện, thiết bị và phụ kiện điện	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
12	Nhà máy sản xuất động cơ cho tàu thuyền	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
13	Nhà máy sản xuất các phụ kiện, linh kiện phụ tùng ô tô các loại	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
14	Nhà máy sản xuất các sản phẩm giày da, túi xách	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
15	Nhà máy sản xuất nguyên, phụ liệu ngành Dệt - May	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
16	Nhà máy sản xuất vật tư, hóa chất phục vụ ngành chế biến gỗ	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
17	Nhà máy sản xuất hàng mỹ nghệ, nội thất gia dụng	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
18	Nhà máy sản xuất nước giải khát các loại	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
19	Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
20	Nhà máy sản xuất cửa nhựa lõi thép	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
21	Nhà máy sản xuất các sản phẩm thời trang cao cấp	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
22	Nhà máy sản xuất vải cao cấp, vải giả da (simili)	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
23	Dự án sản xuất, gia công hàng điện tử - viễn thông	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
24	Các nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa dân dụng	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
25	Các nhà máy sản xuất ván nhân tạo	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
26	Nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
27	Nhà máy sản xuất Gang thép	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
28	Phát triển điện gió ngoài khơi, trên bờ ³	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
29	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Bình Định	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	

³ Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
II	LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN, DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH				
1	Khu vui chơi giải trí Night Paradise Nhơn Hội		x	Vốn ngoài ngân sách	
2	Khu du lịch Eo Vượt 1	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
3	Khu du lịch Eo Vượt 2	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
4	Dự án mở rộng về phía Tây Khu du lịch Hải Giang Merry Land	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
5	Khu đô thị phía Đông đầm Thị Nại	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
6	Khu Biệt thự nghỉ dưỡng học viện Golf		x	Vốn ngoài ngân sách	
7	Khu du lịch Tân Thanh 1		x	Vốn ngoài ngân sách	
8	Khu du lịch Tân Thanh 2		x	Vốn ngoài ngân sách	
9	Khu du lịch Eo Gió	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
10	Khu đô thị Tây Nam xã Nhơn Lý, TP Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
11	Khu du lịch 2-1 tại Điểm số 2	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
12	Khu du lịch 2-2 tại Điểm số 2		x	Vốn ngoài ngân sách	
13	Khu du lịch thuộc Khu dịch vụ du lịch sinh thái đầm Thị Nại	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
14	Khu du lịch, công viên sinh thái 01 thuộc Khu dịch vụ du lịch, công viên sinh thái ngập mặn phía Nam Côn Chim	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
15	Khu đất số 01 thuộc Khu đô thị Tây Cát Tiến	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
16	Khu Phức hợp văn phòng thương mại (CBR)	x	x	Vốn ngoài ngân sách	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
17	Khu khách sạn cao cấp K200 An Dương Vương	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
18	Xây dựng nhà ở chung cư hỗn hợp tại khu đất số 72B, đường Tây Sơn phường Ghềnh Ráng	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
19	Trung tâm thương mại cao cấp Đảo 1A Bắc sông Hà Thanh, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
20	Nhà xã hội Long Vân 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
21	Dự án Khu phức hợp 06 Phan Chu Trinh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
22	Khu đô thị - thương mại dịch vụ phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
23	Rừng cảnh quan kết hợp điểm dừng chân ngắm cảnh phía đông Quốc lộ 1D, phường Ghềnh Ráng	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
24	Trung tâm thể dục thể thao phía Bắc tỉnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
25	Khu đô thị Tường Vân 01, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
26	Khu đô thị Tường Vân 02, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
27	Khu đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao Hồ Phú Hòa	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
28	Khu biệt thự du lịch và dịch vụ du lịch tại Khu A1, khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
29	Dự án bảo tồn và phát triển vùng Sim An Toàn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
30	Dự án đầu tư khu du lịch trải nghiệm hồ Hưng Long	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
31	Dự án đầu tư nông trại kết hợp du lịch trải nghiệm hồ Đồng Mít	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
32	Khu đô thị Nhơn Thành 02	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
33	Khu đô thị Nhơn Thành 01	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
34	Khu dân cư, dịch vụ, thương mại (đọc bờ biển thị xã Hoài Nhơn từ phường Tam Quan Bắc đến Hoài Hương)	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
35	Khu dân cư, dịch vụ, thương mại (đọc bờ Bắc sông Lại Giang, phường Hoài Xuân, thị xã Hoài Nhơn)	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
36	Khu dân cư Lại Khánh, phường Hoài Đức, Hoài Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
37	Khu du lịch La Vuông	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
38	Dự án điện gió kết hợp Khu du lịch La Vuông ⁴	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
39	Khu dân cư Nam sông Lại Giang	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
40	Trung tâm thương mại dịch vụ biển Bãi Con, xã Hoài Hải, Hoài Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
41	Khu dân cư, dịch vụ, thương mại (đọc bờ biển thị xã Hoài Nhơn từ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	

⁴ Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
	phường Tam Quan Nam đến Tam Quan Bắc)				
42	Đô thị thương mại dịch vụ và dân cư tuyến sông Cạn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
43	Khu dân cư phía Tây Năm Tấn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
44	Khu đô thị Bắc Tam Quan	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
45	Khu đô thị, thương mại dịch vụ Đồng Đất Chai	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
46	Dịch vụ, dân cư dọc sông Lại Giang	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
47	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ Hoài Hương	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
48	Khu đô thị Đông Hoài Tân	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
49	Khu thương mại - dịch vụ - đô thị Hoài Thanh Tây	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
50	Khu du lịch quanh Hồ Cây Khế	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
51	Khu du lịch Chùa Tịnh Viên (Mười Liễu)	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
52	Khu du lịch sinh thái Hồ Cẩn Hậu	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
53	Phân khu 2 - khu trung tâm đô thị du lịch biển, khu vực phía Nam vùng đầm Đề Gi, xã Cát Khánh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
54	Khu đô thị biển quốc tế Đề Gi	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
55	Khu đô thị Cát Khánh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
56	Khu đô thị Dương Liễu Nam	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
57	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Mỹ Thành	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
58	Khu đô thị - du lịch – vui chơi giải trí biển Phù Mỹ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
59	Khu đô thị phía Nam xã Mỹ Thành	x	x	Vốn ngoài ngân sách	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
60	Cụm du lịch biển quốc tế phía Nam xã Mỹ Thành	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
61	Khu đô thị - dịch vụ du lịch phía Bắc xã Mỹ Thành	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
62	Khu ở nông thôn hiện hữu thôn Hòa Hội Nam, Hòa Hội Bắc	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
63	Khu đô thị Mỹ Thành	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
64	Khu đô thị du lịch và sân golf Tây Sơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
65	Quy hoạch Trung tâm logistics Canh Vinh	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN				
1	Dự án khu sản xuất rau công nghệ cao và các sản phẩm nông nghiệp; chè tiến vua	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
2	Khu nông nghiệp công nghệ cao - Công nghiệp hậu cần nghề cá – dịch vụ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
3	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm tại xã Mỹ Thành	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
4	Khu trồng trọt và chế biến công nghệ cao huyện Tây Sơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
5	Khu dịch vụ hậu cần nghề cá huyện Phù Mỹ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
IV	LĨNH VỰC CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN				
1	Nhà máy chế biến các sản phẩm thủy sản	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
2	Nhà máy chế biến súc sản Bình Định	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
3	Nhà máy đóng hộp cá ngừ	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
4	Nhà máy chế biến, sản xuất nguyên, phụ liệu ngành thức ăn chăn nuôi	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
5	Cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm gà đồi tại huyện Phù Cát	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
6	Trung tâm Giết mổ gia súc, gia cầm và Chế biến thực phẩm tại huyện Phù Cát	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
7	Nhà máy chế biến sâu có nguồn gốc từ nông sản, huyện Tây Sơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
V	LĨNH VỰC Y TẾ				
1	Nhà máy sản xuất thuốc, hóa dược và dược phẩm	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
2	Bệnh viện đa khoa Nhơn Hội	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
3	Bệnh viện Sản Nhi	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
4	Bệnh viện thị trấn Cát Tiến	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
5	Bệnh viện quốc tế	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	Phù hợp Phụ lục XV QĐ 1619/QĐ-TTg
VI	LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC, THỂ DỤC THỂ THAO				
1	Trường Liên cấp Quốc tế	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
2	Trường THPT tư thục	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
3	Viện dưỡng lão	x	x	Vốn ngoài ngân sách	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
4	Cơ sở trợ giúp xã hội trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
VII	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
1	Nghĩa trang Đồi Pháo, thị xã Hoài Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
2	Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn (giai đoạn 2), thị xã An Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
3	Nhà máy xử lý chất thải rắn Long Mỹ	x		Vốn ngoài ngân sách, FDI	Phù hợp Phụ lục XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
4	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực phía Bắc tỉnh.	x		Vốn ngoài ngân sách, FDI	Phù hợp Phụ lục XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
5	Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp thông thường và nguy hại phía Nam núi Bà		x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	Phù hợp Phụ lục XIV QĐ 1619/QĐ-TTg
VIII	HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG				
1	Trung tâm sản xuất phần mềm	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
2	Trung tâm dữ liệu (Big Data)	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
3	Trung tâm Chuyển đổi số và Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp vùng của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
IX	LĨNH VỰC CẢNG BIỂN				
1	Bến Cảng 1,2 Khu Kinh tế Nhơn Hội	x	x	Vốn ngoài ngân sách	

TT	Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2026-2030		
2	Cảng tổng hợp Đồng Đa	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
3	Khu bến Nhơn Hội	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
4	Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quan	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
5	Khu bến Phù Mỹ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
6	Khu bến Hoài Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
7	Cụm Cảng Tuy Phước			Vốn ngoài ngân sách	
7.1	Cảng cạn Thị Nại	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
7.2	Cảng cạn Quy Nhơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	

Ghi chú:

(1) Việc triển khai thực hiện các dự án năng lượng phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư thì thực hiện theo các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện./.



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Cụm công nghiệp	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
		2021-2025	2026-2030	
I	THÀNH PHỐ QUY NHƠN			
1	CCN Bùi Thị Xuân	x		
II	HUYỆN TUY PHƯỚC			
1	CCN Phước An	x		
2	CCN Bình An	x	x	
3	CCN Qui Hội	x		
4	CCN Tây Hoàng Giang		x	
5	CCN An Sơn		x	
III	THỊ XÃ AN NHƠN			
1	CCN Bình Định	x		
2	CCN Nhơn Hòa	x		
3	CCN Đồi Hòa Sơn	x		
4	CCN Nhơn Tân	x		
5	CCN An Mơ	x		
6	CCN An Trường	x		
7	CCN Tân Đức	x	x	
8	CCN Nhơn Tân 1	x		
9	CCN Tân Nghi		x	
IV	HUYỆN TÂY SƠN			
1	CCN Hóc Bọm	x	x	
2	CCN Cầu Nước Xanh	x		
3	CCN Phú An	x		
4	CCN Cầu 16	x	x	
5	CCN Bình Nghi	x		
6	CCN Tây Giang	x		
7	CCN Gò Cây	x		
8	CCN Bình Tân	x	x	
9	CCN Tây Xuân	x	x	
10	CCN Rẫy Ông Thờ	x		
11	CCN Nam Bình Nghi		x	
12	CCN Bình Thành	x		

TT	Cụm công nghiệp	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
		2021-2025	2026-2030	
V	HUYỆN PHÙ CÁT			
1	CCN Cát Nhơn	x		
2	CCN Cát Hiệp	x		
3	CCN Cát Hạnh		x	
4	CCN Cát Tân		x	
5	CCN Cát Lâm		x	
VI	HUYỆN PHÙ MỸ			
1	CCN Bình Dương	x		
2	CCN Diêm Tiêu	x		
3	CCN Đại Thạnh	x		
4	CCN Tân Tường An	x		
5	CCN thủy sản Mỹ Thành		x	
6	CCN Trung Hiệp	x		
7	CCN Trung Thành	x		
VII	THỊ XÃ HOÀI NHƠN			
1	CCN Bồng Sơn	x		
2	CCN Tam Quan	x		
3	CCN Hoài Châu	x	x	
4	CCN Hoài Tân	x		
5	CCN Hoài Hảo	x		
6	CCN Hoài Hương	x	x	
7	CCN Đệ Đức - Hoài Tân	x		
8	CCN Thiết Định Bắc		x	
9	CCN Tường Sơn	x	x	
10	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây		x	
11	CCN Giao Hội		x	
12	CCN Mỹ An - Hoài Thanh		x	
13	CCN Cự Lễ		x	
14	CCN Thành Sơn - xã Hoài Châu	x		
VIII	HUYỆN HOÀI AN			
1	CCN Dốc Truong Sỏi	x		
2	CCN Du Tụ	x		
3	CCN Gò Bằng	x		

TT	Cụm công nghiệp	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
		2021-2025	2026-2030	
IX	HUYỆN AN LÃO			
1	CCN Gò Bù	x		
2	CCN Gò Cây Duối	x		
X	HUYỆN VĨNH THẠNH			
1	CCN Tà Súc	x		
XI	HUYỆN VÂN CANH			
1	CCN TT Vân Canh	x		
2	CCN Canh Hiền		x	
3	CCN Canh Hiệp	x		
4	CCN Canh Hiệp 1		x	
5	CCN Canh Vinh 1	x		
6	CCN Canh Vinh 2		x	